**NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**

***PHẦN MỘT***

**LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ 1945 ĐẾN NĂM 2000**

***🏵🏵🏵🏵***

***Chương I***

**SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI**

**SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI II (1945 – 1949)**

***Bài 1***

**SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI**

**SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI II (1945 – 1949)**

**I. HỘI NGHỊ IANTA (2/1945) VÀ NHỮNG THỎA THUẬN CỦA BA CƯỜNG QUỐC**

***1. Hoàn cảnh hội nghị IanTa***

- Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đọan kết thúc, nhiều vấn đề quan trọng đặt ra cho các cường quốc đồng minh:

**+** Việc đánh bại các nước phát xít.

**+** Việc tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.

+ Phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.

- Từ ngày 4 đến ngày 11-2-1945, một hội nghị quốc tế được triệu tập tại Ianta (LX), với sự tham dự của nguyên thủ 3 cường quốc: I. Xtalin (Liên Xô), Ph. Rudơven (Mĩ), U. Sớcsin (Anh).

***2. Nội dung*:** Hội nghị đã đưa ra những quyết định quan trọng:

- Nhanh chóng tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.

- Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.

- Phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa ba cường quốc ở châu Âu và châu Á

- Thỏa thuận :

Về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít.

Phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

Châu Âu:

Liên Xô : Đông Đức, Đông Béclin và Đông Âu.

Mỹ, Anh: Tây nước Đức, Tây Béclin và các nước Tây Âu.

Áo, Phần Lan là nước trung lập.

Châu Á:

Liên Xô: Mông Cổ, miền Nam đảo Xakhalin, 4 đảo Curin, Bắc Triều Tiên.

Mỹ: Nhật Bản, Nam Triều Tiên.

Trung Quốc: trở thành quốc gia thống nhất và dân chủ.

Các nước phương Tây: Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á.

***3. Ý nghĩa:***Những quyết định của HN Ianta đã trở thành khuôn khổ của trật tự TG mới từng bước được thiết lập sau chiến tranh, thường gọi là “*trật tự 2 cực Ianta”*.

**II. SỰ THÀNH LẬP LIÊN HỢP QUỐC**

***1. Sự thành lập***

- HN quốc tế họp gồm đại biểu 50 nước tại Xan Phranxixcô (Mĩ) họp từ 25-4 🡪 26-6-1945, để thông qua Hiến chương và tuyên bố thành lập tổ chức LHQ. Hiến chương là văn kiện quan trọng nhất, nêu rõ:

***2. Mục đích***: Duy trì hoà bình và an ninh TG, phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và tự quyết của các dân tộc.

***3. Nguyên tắc họat động***

- Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.

- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.

- Không can thiệp vào công việc nội bộ của nước nào.

- Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

-- Chung sống hòa bình và sự nhất trí của 5 nước lớn: Mĩ, Anh, Pháp, Liên Xô, Trung Quốc.

***4. Bộ máy tổ chức***: gồm 6 cơ quan chính: Đại hội đồng, Hội đồng bảo an, Ban thư kí, Hội đồng kinh tế và xã hội, Tòa án quốc tế, Hội đồng quản thác.

***5. Vai trò:*** Là một diễn đàn quốc tế vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới; Thúc đẩy việc giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột ở nhiều khu vực; Thúc đẩy các mối quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế; Giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, nhân đạo …

**Chương II**

**LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945-1991)**

**LIÊN BANG NGA (1991-2000)**

***Bài 2***

**LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945-1991)**

**LIÊN BANG NGA (1991-2000)**

**I. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70**

**1. Liên Xô**

**a. Công cuộc khôi phục kinh tế (1945-1950)**

*\* Hoàn cảnh:*

- Bước ra khỏi Chiến tranh thế giới hai, Liên Xô là nước thắng trận, song lại là nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề nhất cả người và của: khoảng 27 triệu người chết, gần 2000 thành phố bị phá hủy.

*\* Kết quả:*

- Với tinh thần tự lực tự cường, nhân dân Liên Xô hoàn thành kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946-1950) trước thời hạn 9 tháng. Tới năm 1950, sản lượng công nghiệp tăng 73 % và sản lượng nông nghiệp đạt mức trước chiến tranh. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thanh công bom nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền vũ khí hạt nhân của Mỹ.

**b. Liên Xô tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ năm 1950 đến nửa dầu những năm 70)**

*- Công nghiệp*: Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới, sau Mỹ; đi đầu trong nhiều ngành công nghiệp quan trọng và đã chiếm lĩnh nhiều đỉnh cao trong nhiều lĩnh vực khoa học kĩ thuật.

*- Khoa học- kĩ thuật*: Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo (1957) và đưa con tàu vũ trụ bay vòng quanh trái đất (1961-I.Gagarin), mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

*- Nông nghiệp*: Tăng hàng năm 16%.

*- Văn hóa* có nhiều biến đổi, ¾ dân số có trình độ trung và đại học.

*- Xã hội, chính trị*: luôn ổn định…

*- Về đối ngoại*: Liên Xô thực hiện chính sách bảo vệ hòa bình thế giới, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.

*\* Ý nghĩa*: Nhằm củng cố và nâng cao uy tín và vị thế của Liên Xô trên trường quốc tế làm cho Liên Xô trở thành nước lớn nhất và là chỗ dựa cho phong traò CM thế giới.

**3. Nguyên nhân tan rã của chế dộ xã hội chủ nghĩa ỏ Liên Xô và các nước Đông Âu**

- Nguyên nhân trước hết là do đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cùng với chế độ tập trung quan liêu bao cấp làm cho sản xuất trì trệ, đời sống nhân dân không được cải thiện.

- Hai là, không bắt kịp những bước phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến, dẫn đến những khủng hoảng trì trệ. Trong khi vào những năm 70 của thế kỉ XX, - Khoa học kỹ thuật trên thế giới phát triển mạnh mẽ, phần lớn các nước tư bản biết tận dụng triệt để để đưa nền kinh tế phát triển thì Liên Xô và các nước Đông Âu chậm áp dụng KH - KT vào nền kinh tế .

- Ba là, khi tiến hành cải tổ các nước này lại phạm phải những sai lầm trên nhiều mặt, những sai lầm từ kinh tế đến chính trị làm cho khủng hoảng thêm trầm trọng.

- Bốn là, sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Đây cũng chính là một nguyên nhân dẫn đến sự tan rã của chế độ Xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

**III. LIÊN BANG NGA TỪ 1991 ĐẾN NĂM 2000**

- Từ sau năm 1991, Liên bang Nga là một “quốc gia kế tục Liên Xô”. Trong thập kỉ 90, dưới chính quyền tổng thống Enxin, tình hình Liên bang Nga chìm đắm trong khó khăn và khủng hoảng

***\* Kinh tế***: Từ 1990-1995 tăng trưởng GDP hàng năm luôn là số âm (1990: - 3,6%, 1995: - 4,1%) Từ năm 1996 có dấu hiệu phục hồi: năm 1997 tăng lên 0,5%; năm 2000 lên đến 9%.

***\* Chính trị***: Tháng 12-1993 Hiến pháp Liên bang Nga được ban hành. Nga theo thể chế Tổng thống Liên bang. Đối nội, sự tranh chấp giữa các đảng phái và xung đột sắc tộc (Trecxnia…)

***\* Về dối ngoại***, chính sách ngả về phương Tây đã không đạt được kết quả mong muốn; về sau nước Nga khôi phục và phát triển mối quan hệ với châu Á.

- Từ năm 2000, chính quyền của tổng thống V.Putin đã đưa Liên bang Nga thoát khỏi khó khăn và khủng hoảng, ngày càng cuyển biến khả quan-kinh tế hồi phục phát triển, chính trị xã hội dần ổn địnhvà đại vị quốc tế được nâng cao để trở lại vị thế một cường quốc Âu-Á

***Chương III***

**CÁC NƯỚC Á, PHI VÀ MĨ LA TINH (1945 – 2000)**

***Bài 3***

**CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á**

**I. NÉT CHUNG VỀ KHU VỰC ĐÔNG BẮC Á**

- ĐBÁ là khu vực rộng lớn, đông dân nhất thế giới, có nguồn tài nguyên phong phú. Trước năm 1945, các nước Đông Bắc (trừ Nhật) đều bị chủ nghĩa thực dân nô dịch.

- Sau CTTGII, Đông Bắc Á có nhiều biến chuyển quan trọng:

+ Cách mạng Trung Quốc thắng lợi, nước CHND Trung Hoa ra đời (10/1949). Cuối thập niên 90, TQ thu hồi Hồng Kông và Ma Cao.

+ Bán đảo Triều Tiên bị chia cắt thành hai miền theo vĩ tuyến 38 với sự thành lập Nhà nước Đại Hàn Dân Quốc ở phía Nam (8/1948) và CHDCND Triều Tiên ở phía Bắc (9/1948). Quan hệ giữa hai nhà nước này là đối đầu căng thẳng, từ năm 2000 đã có những cải thiện bước đầu theo chiều hướng tiếp xúc và hòa hợp dân tộc.

+ Trong nửa sau thế kỉ XX, khu vực Đông bắc Á đã đạt những sự tăng trưởng về kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân như ở Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Công, và đặc biệt là thành tựu to lớn của Nhạt Bản và của Trung Quốc từ cuối những năm 70.

**II. TRUNG QUỐC**

**1. Sự thành lập nước CHND Trung Hoa và 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 – 1959)**

**a**. **Sự thành lập nước CH nhân dân Trung Hoa**:

*\* Sự thành lập:*

- Từ 1946-1949, ở Trung Quốc diễn ra cuộc nội chiến giữa Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản.

- Cuối 1949, nội chiến kết thúc với sự thắng lợi của Đảng CS, toàn bộ lục địa TQ được giải phóng. Quốc Dân Đảng chạy ra Đài Loan.

- 1/10/1949, nước CHND Trung Hoa được thành lập, Mao Trạch Đông làm chủ tịch.

-18-1-1950, đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

**3. Công cuộc cải cách – mở cửa (từ 1978)**

***a. Đường lối***

- Tháng 12/ 1978, Đảng CS TQ đề ra đường lối mới do Đặng Tiểu Bình khởi xướng, mở đầu cho công cuộc cải cách kinh tế – xã hội.

- Tại Đại hội XII (9/1982) và Đại hội XIII (10/1987) của Đảng, đường lối này được nâng lên thành đường lối chung.

***- Nội dung của đường lối***

+ Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.

+ Tiến hành cải cách và mở cửa.

+ Chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường XHCN linh hoạt hơn, nhằm hiện đại hóa và xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc với mục tiêu biến TQ thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

***b. Thành tựu***

*\* Kinh tế:*

- Tiến bộ nhanh chóng, tốc độ tăng trưởng cao. Năm 1998 tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng trung bình hàng năm *trên 8%*. Năm 2000, GDP là *1080 tỷ USD*.

- Thu nhập bình quân đầu người tăng, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

*\* Khoa học – kỹ thuật, văn hóa, giáo dục:* đạt nhiều thành tựu nổi bật.

- 1964, TQ thử thành công bom nguyên tử.

- 15/10/2003, phóng tàu “Thần Châu 5” cùng nhà du hành vũ trụ Dương Lợi Vĩ vào không gian 🡪 thành nước thứ 3 trên thế giới có tàu cùng con người bay vào vũ trụ.

*\* Đối ngoại:* có nhiều thay đổi, vai trò và địa vị quốc tế của TQ ngày càng nâng cao.

- Từ những năm 80 của thế kỉ XX, bình thường hóa quan hệ với Liên Xô, Việt Nam, Mông Cổ, Inđônêxia,…

- Mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều nước trên TG.

- TQ thu hồi chủ quyền đối với Hồng Công (7/1997) và Ma Cao (12/1999), Đài Loan là một bộ phận lãnh thổ của TQ nhưng vẫn nằm ngoài kiểm soát TQ.

***c. Ý nghĩa***

- Chứng minh sự đúng đắn của đường lối cải cách-mở cửa.

- Tăng cường vị thế và sức mạnh của Trung Quốc.

- Để lại nhiều bài học cho các nước xã hội chủ nghĩa khác trong đó có Việt Nam.

***Bài 4***

**CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ**

**I. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á**

**1. Sự thành lập các quốc gia độc lập ĐNÁ**

**a. Vài nét chung về quá trình đấu tranh giành độc lập**

(Biết được những nét chung về cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á)

- Đông Nam Á vốn là thuộc địa của các nước ĐQ Âu – Mỹ (trừ Thái Lan). Trong CTTG II, là thuộc địa của Nhật.

- Sau CTTGII, ĐNA nổi dậy đấu tranh giành độc lập:

+ 8/1945, Nhật đầu hàng Đồng minh, nhiều nước giành độc lập: Việt Nam, Inđônêxia, Lào, Miến Điện, Mã Lai, Philippin.

+ Âu – Mĩ quay lại xâm lược, nhân dân ĐNA kháng chiến:

* + VN, Lào, CPC đánh bại Pháp (1954), Mĩ (1975).
  + Hà Lan công nhận độc lập của Inđônêxia (1949).
  + Các nước Anh–Mĩ công nhận độc lập: PLP (7/1946), MĐiện (1/1948), Mã Lai (8/1957), Xingapo (6/1959), Brunây (1/1984). Đông Timo tách khỏi Inđônêxia 1999 và độc lập 2002.

**Bảng 1: Các giai đoạn phát triển của cách mạng Lào (1945-1975)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các giai đoạn**  **phát triển** | **Thời gian** | **Sự kiện chính và kết quả** |
| Khởi nghĩa chống  quân phiệt  Nhật (1945) | 23/8/1945 | Nhân dân lào nổi dậy giành chính quyền |
| 12/10/1945 | Lào tuyên bố độc lập |
| Kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954 | 3/1946 | Pháp trở lại xâm lược |
| 1946 – 1954 | Phối hợp với Việt Nam và Campuchia kháng chiến chống Pháp |
| 7/1954 | Pháp kí HĐ Giơnevơ công nhận các quyền dtộc cơ bản của Lào |
| Kháng chiến chống Mĩ (1954 – 1975) | 22/3/1955 | Đảng nhân dân CM Lào thành lập, lđạo ndân kchiến chống Mĩ |
| 21/2/1973 | Mĩ và tay sai kí Hiệp định Viêng Chăn, lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào |
| 5 -> 12/1975 | quân dân Lào nổi dậy giành chính quyền trong cả nước. |
| 2/12/1975 | nước CHDCND Lào chính thức thành lập |

**Bảng 2: Các giai đoạn phát triển của cách mạng Campuchia (1945-1993)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các giai đoạn**  **phát triển** | **Thời gian** | **Sự kiện chính và kết quả** |
| Kchiến chống Pháp  (1945 – 1954) | 10/1945 | Pháp trở lại xâm lược CPC |
| 1951 | Đảng ndcm Campuchia thành lập, lãnh đạo nhân dân đấu tranh. |
| 9/11/1953 | Pháp kí HƯ, trao trả độc lập nhưng quân Pháp vẫn chiếm đóng |
| 7/1954 | Pháp kí HĐ Giơnevơ công nhận các quyền dtộc cơ bản của CPC |
| Thời kì trung lập | 1954 – 1970 | Chính phủ Xihanuc thực hiệnđường lối HB, trung lập, đẩy mạnh công cuộc XD ktế, VH, giáo dục của đất nước. |
| Kháng chiến chống  Mĩ (1970 – 1975) | 18/3/1970 | Mĩ đkhiển tay sai lật đổ Xihanuc. CPC tiến hành kc chống Mĩ. |
| 17/4/1975 | Giải phóng Phnôm – Pênh, kchiến chống Mĩ kthúc thắng lợi. |
| Nội chiến chống Khơme đỏ (1975 – 1979) | 1975 – 1979 | nhân dân Campuchia nổi dậy đánh đổ tập đòan Khơme đỏ |
| 7/1/1979 | Tập đòan Pôn Pốt bị lật đổ. Nước CH nhân dân CPC thành lập |
| Từ 1979 đến nay | 1979 | Bùng nổ nội chiến giữa Đảng NDCM với các phe phái đối lập, chủ yếu là Khơme đỏ. |
| 23/10/1991 | Được cộng đồng QT giúp đỡ, HĐHB về CPC được kí tại Pari. |
| 9/1993 | Tổng tuyển cử bầu QH mới, thlập Vq CPC do Xihanuc làm quốc vương. |

**2. Quá trình phát triển của các nước ĐNA** (Phát triển kinh tế với những chiến lược khác nhau)

**a. Nhóm năm nước sáng lập ASEAN** (gồm Inđô, TLan, ML, Xingapo, PLP) (Trình bày được nội dung chính các giai đoạn phát triển của 5 nước sáng lập ASEAN)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **CHIẾN LƯỢC KINH TẾ HƯỚNG NỘI** | **CHIẾN LƯỢC KINH TẾ HƯỚNG NGOẠI** |
| **THỜI GIAN** | Những năm 50 – 60 của thế kỉ XX | Từ năm 60 – 70 của thế kỉ XX trở đi |
| **MỤC TIÊU** | Nhanh chóng xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu  Xây dựng kinh tế tự chủ | Khắc phục hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội  Thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh |
| **NỘI DUNG** | Phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa, đáp ứng yêu cầu trong nước thay thế nhập khẩu.  Lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất | Các nước tiến hành mở cửa, đẩy mạnh ngoại thương.  Thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tập chung sản xuất hàng hóa để xuất khẩu |
| **THÀNH TỰU** | - Sản xuất đáp ứng được nhu cầu cơ bản của nhân dân.  - Góp phần giải quyết thất nghiệp.  - Phát triển một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. | - Bộ mặt kinh tế - xã hội chuyển biến lớn.  - Tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế cao hơn nông nghiệp.  - Mậu dịch đối ngoại tăng nhanh.  - Xingapo đã trở thành “con rồng châu Á” |
| **HẠN CHẾ** | Thiếu vốn, thị trường nhỏ hẹp, chi phí cao dẫn tới làm ăn thua lỗ.  Tệ quan liêu tham nhũng phát triển  Đời sống người lao động còn khó khăn.  ...  🡪Chuyển sang thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại | Lệ thuộc vào vốn, thị trường bên ngoài.  Bị cạnh tranh gay gắt, chèn ép dẫn đến sự mất ổn định( năm 1997 -1998, làm khủng hoảng tài chính,...).  ... |

**3. Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN**

***a****.* ***Sự ra đời****:*

- Sau khi giành đl, nhiều nước trong khu vực thấy cần phải hợp tác với nhau để cùng pt.

- Muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngòai đối với khu vực.

- Các tổ chức hợp tác khu vực trên TG xuất hiện ngày càng nhiều đã cổ vũ các nước ĐNA liên kết với nhau.

- 8/8/1967, Hiệp hội các quốc gia ĐNA ( ASEAN) thành lập tại Băng Cốc, gồm 5 nước: Inđônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan, Philippin.

- Mtiêu: ptriển kinh tế và văn hóa thông qua những nỗ lực hợp tác chung giữa các nước thành viên, trên tinh thần duy trì hòa bình và ổn định khu vực.

***b. Quá trình phát triển:***

- 1967–1975: ASEAN là tổ chức non trẻ, hợp tác lỏng lẻo, chưa có vị trí trên trường QT.

- Giai đọan từ 1976 đến nay:

* + Tháng 2/1976, Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ nhất họp tại Bali (Inđônêxia), đánh dấu sự khởi sắc của ASEAN, quan hệ 3 nước Đông Dương và ASEAN được cải thiện, kinh tế ASEAN tăng tăng trưởng.
  + 1984, Brunây gia nhập ASEAN.
  + 28/7/1995, VN gia nhập ASEAN.
  + 23/7/1997, Lào và MĐ gia nhập.
  + 30/4/1999, Campuchia gia nhập.

Từ đó, ASEAN đẩy mạnh hợp tác kinh tế, xây dựng ĐNA thành khu vực hòa bình, ổn định cùng phát triển.

***c. Cơ hội và thách thức của VN khi gia nhập ASEAN****:*

***\**** *Cơ hội:*

- Kinh tế VN được hội nhập với nền kinh tế các nước trong khu vực, là cơ hội để nước ta vươn ra thế giới.

- Tạo đk nền kt nước ta thu dần khoảng cách với các nước trong khu vực.

- Tiếp thu thành tựu KH–KT tiên tiến.

- Có điều kiện tiếp thu, học hỏi trình độ quản lí của các nước trong khu vực.

- Có đk thuận lợi để giao lưu về giáo dục, văn hóa, KHKT, y tế, thể thao.

***\**** *Thách thức:*

- Nếu không tdụng cơ hội để pt thì kt nước ta có ngcơ thau so với các nước trong kvực.

- Sự ctranh qliệt giữa nc ta với các nước.

Hội nhập dễ bị “hòa tan” về chính trị, đánh mất bản sắc và truyền thống văn hóa dân tộc.

**II. ẤN ĐỘ**

**1. Cuộc đấu tranh giành độc lập**

- Sau chiến tranh thế giới thứ hai, dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc Đại, cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, đòi độc lập của nhân dân An Độ phát triển mạnh mẽ.(Học sinh gạch SGK về các phong trào đấu tranh)

- Do sức ép của phong trào đấu tranh, thực dân Anh buộc phải nhượng bộ: Ngày 15/8/1947 đã chia An Độ thành hai quốc gia tự trị trên cơ sở tôn giáo: An Độ của người theo Ấn Độ giáo, Pakixtan của người theo Hồi giáo.

- Không thoả mãn với qui chế tự trị, từ 1948 – 1950, Đảng Quốc Đại tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành thắng lợi hoàn toàn.

- Ngày 26/1/1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hoà.

\* Ý nghĩa:

Sự ra đời nước Cộng hoà Ấn Độ đánh dấu bước ngoặt quan trọng của lịch sử Ấn Độ, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**2. Công cuộc xây dựng đất nước**

Trong thời kì XD đất nước, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng An Độ đã đạt nhiều thành tựu quan trọng:

- Nông nghiệp:

Từ giữa thập niên 70, Ấn Độ thực hiện cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp 🡪 tự túc được lương thực.

Từ 1995, xk gạo thứ 3 trên thế giới.

- Công nghiệp: Trong thập niên 80, AĐ đứng hàng thứ 10 về sx công nghiệp, đã chế tạo được nhiều máy móc hiện đại.

- KHKT: đang cố gắng vươn lên hang các cường quốc về cnghệ phần mềm, công nghệ hạt nhân, công nghệ vũ trụ.

-VHGD: Thực hiện cuộc “CM chất xám” và trở thành một trong những cường quốc sx phần mềm lớn nhất TG.

- Đngoại: AĐ theo đuổi cs hb, trung lập tích cực, ủng hộ ptr cm thế giới.

- 7/1/1972, An Độ thiết lập qh với VN

***Bài 5***

**CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LA TINH**

**I. CÁC NƯỚC CHÂU PHI**

**1. Vài nét về cuộc đấu tranh giành độc lập**

- Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là từ những năm 50, cuộc đấu tranh giành độc lập đã diễn ra sôi nổi, khởi đầu từ năm 1952 là Ai Cập và Libi thuộc Bắc Phi.

- Năm 1960 được gọi là “Năm châu Phi” với 17 nước được độc lập. Năm 1975 các nước Mô-dăm-bích và Ăng-gô-la đã lật đổ được ách thống trị của thực dân Bồ Đào Nha.->ĐÁNH DẤU SỰ SỤP ĐỔ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN

- Cuộc đấu tranh giành thắng lợi và các nước cộng hòa ra đời ở Dim-ba-buê (1980), Namibia (1991)

- Đặc biệt năm 1993, tại Nam Phi đã chính thức xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai) và tháng 4-1994 đã tiến hành cuộc bầu cử dân chủ đa chủng tộc lần đầu tiên Nen-xơn Man-đê-la trở thành Tổng thống của cộng hòa Nam Phi. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân.

**II. CÁC NƯỚC MĨ LATINH**

**1. Vài nét về quá trình giành và bảo vệ độc lập**

- Nhiều nước ở Mĩ Latinh sớm giành được độc lập từ tay thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha vào đầu thế kỉ XIX. Nhưng sau đó lại lệ thuộc vào Mĩ.

- Sau chiến tranh thế giới thứ hai cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ bùng nổ và phát triển, tiêu biểu là cách mạng Cuba dưới sự lãnh đạo của Phi-đen Cát-x tơ-rô vào tháng 1-1959.

-Dưới ảnh hưởng của cách mạng Cuba, trong những năm 60 – 70 của thế kỉ XX phong trào đấu tranh chống Mĩ và chế độ độc tài thân Mĩ phát và giành thắng lợi như ở Vê-nê-xuê-la, Goa-tê-ma-la, Pê-ru, Ni-ca-ra-goa, Chi-le

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | Châu Phi | MĩLatinh |
| Giống nhau | | - Nhiệm vụ: Chống CNTD.  - Hình thức đấu tranh phong phú.  - Kết quả: giành thắng lợi -> hàng loạt các quốc gia độc lập ra đời.  - Sau khi độc lập, các nước phát triển kinh tế | |
| Khác nhau | Nhiệm vụ | Chống CNTD cũ | Chống CNTD mới |
| Lãnh đạo | GC tư sản | Tư sản và vô sản. |
| Hình thức | Chủ yếu là đấu tranh chính trị, ngoại giao (trừ Angiêri). | Chính trị và vũ trang (VT mạnh sau CM Cuba) |
| Sự kiện tiêu biểu | - Mở đầu: khu vực Bắc Phi – Ai cập.  - 1960- Năm châu Phi.  - 1975: sụp đổ căn bản CNTD cũ- Ăng gô la, Mô dăm bích.  - 1993, Nam Phi chính thức xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc. | - Tiêu biểu là CM Cuba (1959) thành lập nước Cộng hòa theo chế độ Xã hội chủ nghĩa.  - Ảnh hưởng CM Cuba- phong trào phát triển “ Lục địa bùng cháy” |
| Kết quả | Các nước giành độc lập. | Chính quyền độc tài bị lật đổ, chính phủ dân tộc dân chủ thiết lập |
| Ý nghĩa | | - Góp phần xóa bỏ CNTD và hệ thống thuộc địa của chúng.  - Làm xói mòn trật tự 2 cực Ianta.  - Làm thay đổi sâu sắc bản đồ chính trị TG. | |

***Chương IV***

**MĨ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN (1945 – 2000)**

**Bài 6. NƯỚC MĨ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Kinh tế** | **KHKT** | **Đối ngoại** |
| **1945 – 1973** | Sau CTTG II, kinh tế Mỹ phát triển mạnh:  - Công nghiệp chiếm hơn một nửa tổng sản lượng công nghiệp thế giới  - Nông nghiệp bằng hai lần (5 nước Anh, Pháp, CHLB Đức, Italia, Nhật cộng lại);  - 50% tàu bè đi lại trên biển, ¾ dự trữ vàng thế giới,  - 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.  Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mỹ là *trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.* | - Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại  - Đi đầu, đạt nhiều thành tựu to lớn trong nhiều lĩnh vực | Triển khai “chiến lược toàn cầu”  *- Mục tiêu:*  + Ngăn chặn, tiêu diệt XHCN  + Đàn áp phong trào cách mạng thế giới  + Khống chế, chi phối đồng minh  *- Biện pháp thực hiện:*  + Khởi xướng “Chiến tranh lạnh”.  + Tiến hành chiến tranh xâm lược, can thiệp, …  + Hoà hoãn với Trung Quốc, Liên Xô chống lại phong trào cách mạng ở các nước. |
| **1973 – 1991** | - 1973 - 1982: khủng hoảng và suy thoái.  - Từ 1983, phục hồi và phát triển, vẫn đứng đầu thế giới ... |  | - Tiếp tục triển khai “chiến lược toàn cầu”, chạy đua vũ trang  - Giữa thập niên 80, xu thế hòa hoãn ngày càng chiếm ưu thế.  - 1989, Mỹ cùng Liên Xô kết thúc “chiến tranh lạnh” |
| **1991 - 2000** | Có những đợt suy thoái ngắn, vẫn đứng đầu thế giới, 25% tổng sản phẩm thế giới | Chiếm 1/3 phát minh của thế giới | - Thực hiện chiến lược “Cam kết và mở rộng”:  + Bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.  + Khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh của kinh tế Mỹ.  + “Thúc đẩy dân chủ” can thiệp nội bộ của nước khác.  - Xác lập trật tự thế giới “đơn cực” do Mĩ lãnh đạo.  - Vụ 11.09.2001 là một trong những yếu tố dẫn đến thay đổi đối nội, đối ngoại của Mỹ thế kỷ XXI. |

**Bài 7. TÂY ÂU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Kinh tế** | **Đối ngoại** |
| 1945 - 1950 | -Chiến tranh thế giới II tàn phá nặng nề.  - 1950, kinh tế Tây Âu phục hồi, đạt mức trước chiến tranh. | - Liên minh chặt chẽ với Mỹ, tái chiếm thuộc địa.  - Trở thành đối trọng của Đông Âu XHCN. |
| 1950 - 1973 | - Phát triển nhanh chóng, đến đầu thập niên 70, là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới. | **-** Liên minh chặt chẽ với Mỹ, đồng thời đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.  - Một số nước: ủng hộ Mĩ xâm lược Việt Nam, …, nhiều nước dần thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ. |
| 1973 - 1991 | -Khủng hoảng, suy thoái hoặc phát triển không ổn định.  - Chịu sự cạnh tranh quyết liệt từ Mỹ, Nhật, các nước công nghiệp mới. | Căng thẳng đã dịu đi:  - 1975, Định ước Henxinki về an ninh và hợp tác châu Âu được ký kết.  - 1989, “*Bức tường Berlin”* bị xóa bỏ, Đức tái thống nhất (10.1990) |
| 1991 - 2000 | Phục hồi, phát triển trở lại, vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn | Mở rộng quan hệ với các nước đang phát triển ở Á, Phi, Mỹ La-tinh, Đông Âu và SNG |

**2. Liên minh châu Âu (EU)**

***a. Quá trình hình thành***

- Sáu nước Tây Âu (Pháp, CHLB Đức, Italia, Bỉ, Hà  Lan và Lúcxămbua) cùng thành lập Cộng đồng Than –  Thép châu Âu (1951), sau là Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu và Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) (1957).

- Năm 1967, ba tổ chức trên hợp nhất thành Cộng đồng châu Âu (EC) và từ tháng 1/1993 đổi tên là Liên minh châu Âu (EU).

***b. Sự phát triển***

- Thành viên: Từ 6 nước ban đầu, đến năm 1995, EU đã phát triển thành 15 nước. Năm 2004, kết nạp thêm 10 nước Đông Âu, đến năm 2007 thêm 2 nước, nâng tổng số thành viên lên 27 nước.

- EU ra đời không chỉ nhằm hợp tác giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn liên minh trong lĩnh vực chính trị.

- Tháng 6/1979, đã diễn ra cuộc bầu cử Nghị  viện châu Âu đầu tiên. Tháng 3/1995, bảy nước EU huỷ bỏ sự kiểm soát đối với việc  đi lại của công dân các nước này qua biên giới của nhau. Tháng 1/2002, chính thức sử dụng đồng tiền chung EURO.

- Liên minh châu Âu là tổ chức liên kết chính trị - kinh tế lớn nhất hành tinh, chiếm hơn 1/4 GDP của thế giới.

- Quan hệ Việt Nam – EU được thiết lập năm 1990.

**Bài 8. NHẬT BẢN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Kinh tế** | **KHKT** | **Đối ngoại** |
| **1945 - 1952** | Tiến hành 3 cải cách:  + Thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế  + Cải cách ruộng đất  + Dân chủ hóa lao động  => 1950 - 1951, kinh tế khôi phục. |  | Liên minh chặt chẽ với Mĩ, Mĩ bảo hộ, đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật. |
| **1952 - 1973** | + 1952 - 1960: phát triển nhanh, 1960 - 1973 phát triển thần kỳ.  *+* Năm 1968, Nhật đứng thứ hai thế giới tư bản. Đầu những năm 70, là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới. | + Coi trọng giáo dục và khoa học kỹ thuật  + Khoa học - công nghệ tập trung vào lĩnh vực sản xuất dân dụng | Liên minh chặt chẽ với Mĩ. bình thường hoá quan hệ với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc. |
| **1973 - 1991** | - Từ 1973, khủng hoảng và suy thoái.  - Nửa sau 1980, vươn lên trở thành siêu cường tài chính số một thế giới |  | tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN |
| **1991 - 2000** | Một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới | Phát triển ở trình độ cao | - Tiếp tục liên minh với Mỹ.  - Đối ngoại tự chủ, coi trọng quan hệ với Tây Âu, các nước châu Á và Đông Nam Á.  - Nỗ lực vươn lên thành một cường quốc chính trị. |

**Nguyên nhân phát triển kinh tế**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nguyên nhân** | **Mĩ** | **Tây Âu** | **Nhật Bản** |
| Chung | + Áp dụng KHKT nâng cao chất lượng, hạ giá thành.  + Quản lý, điều tiết kinh tế hiệu quả của Nhà nước.  + Quá trình sản xuất và tập trung tư bản cao độ | | |
| Riêng | - Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú; nhân lực dồi dào, trình độ cao, năng động, sáng tạo.  - Lợi dụng chiến tranh để làm giàu từ bán vũ khí.  - Các công ty và tổ hợp công nghiệp quân sự có sức sản xuất và cạnh tranh cao. | Tận dụng viện trợ của Mỹ, nguyên liệu rẻ của các nước thế giới thứ ba, hợp tác với EC hiệu quả. | - Con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu.  - Các công ti Nhật năng động, có tiềm lực và sức cạnh tranh cao.  - Chi phí quốc phòng thấp nên có điều kiện tập trung đầu tư vốn cho kinh tế.  - Tận dụng tốt yếu tố bên ngoài để phát triển (viện trợ Mỹ, chiến tranh Triều Tiên, Việt Nam…) |

**CHƯƠNG V**

**QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945 - 2000)**

***Bài 9***

**QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU**

**THỜI KỲ CHIẾN TRANH LẠNH**

**I. MÂU THUẪN ĐÔNG – TÂY VÀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA CHIẾN TRANH LẠNH**

- Sau chiến tranh thế giới hai, hai cường quốc Mĩ và Liên Xô nhanh chóng chuyển sang đối đầu và đi tới tình trạng chiến tranh lạnh.

Đó là sự đối lập nhau về mục tiêu và chiến lược của hai cường quốc. Mĩ hết sức lo ngại trước thắng lợi của cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu và sự thành công của cách mạng Trung Quốc.

- Chiến tranh lạnh là chính sách thù địch, căng thăng trong quan hệ giữa Mĩ và các nước phương Tây với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

- Những sự kiện từng bước đưa tới tình trạng chiến tranh là: “Học thuyết Tru-man” (3-1947), “Kế hoạch Mác-san” (6-1947) và việc thành lập tổ chức Liên minh quân sụ Bắc Đại Tây Dương (NATO, 4-1949).

+ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu: thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV,1-1949), và tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va (5-1955).

- Kết quả là hình thành sự đối lập về kinh tế, chính trị và quân sự giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, dẫn tới sự xác lập cục diện hai cực, hai phe do hai siêu cường Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi cực, mỗi phe.

**III. XU THẾ HÒA HOÃN ĐÔNG – TÂY VÀ CHIẾN TRANH LẠNH CHẤM DỨT**

- Đầu thập kỉ 70, xu hướng hòa hoãn Đông – Tây đã xuất hiện. Biểu hiện:

- Các cuộc gặp gỡ thương lượng Xô-Mĩ

- Hiệp định về những cơ sở của quan hệ hai nước Đông Đức và Tây Đức.

- Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) và Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (SALT-1) được kí kết vào năm 1972.

- Định ước Hen-xi-kin (8-1975) khẳng định những nguyên tắc trong quan hệ giũa các quốc gia và tạo nên một cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh ở châu Âu.

- Tháng 12-1989, tại đảo Man-ta (Địa Trung Hải) hai nhà lãnh đạo là M. Gooc-ba-chốp (Liên Xô) và G. Bu-sơ (Mĩ) đã chính thức tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh, mở ra những điều kiện để giải quyết các xung đột, tranh chấp ở nhiều khu vực trên thế giới. Đó là do hai siêu cường Xô-Mĩ đã quá tốn kém trong cuộc chạy đua vũ trang kéo dài tới hơn bốn thập kỉ cùng với sự cạnh tranh ngày càng gy gắt của Nhật Bản và các nước Tây Âu…

**IV. THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH**

*-* Trật tự thế giới hai cực đã tan rã. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành và ngày càng theo xu thế đa cực với sự vươn lên của Mĩ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Nga và Trung Quốc…

- Các quốc gia hầu như đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào phát triển kinh tế.

- Lợi dụng lợi thế tạm thời do Liên Xô tan rã, Mĩ ra sức thiếp lập trật tự thế giới “đơn cực” để làm ba chủ thế giới. Nhưng trong so sách lực lượng giữa các cường quốc, Mĩ không dễ dàng có thể thực hiện được tham vọng đó.

- Sau chiến tranh lạnh, tuy hòa bính thế giới được củng cố, nhưng xung đột, tranh chấp, nội chiến lại xảy ra ở nhiều khu vực như bán đảo Ban-căng, châu Phi và Trung Á. Vu khủng bố ngày 11-9-2001 ở Mĩ đã gay ra những khó khăn, thách thức mới đối với hòa bình, an ninh của các dân tộc.

**CHƯƠNG VI**

**CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ**

**VÀ XU HƯỚNG TOÀN CẦU HÓA**

***Bài 10***

**CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỈ XX**

**I. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ**

**1. Nguồn gốc và đặc điểm**

\****Nguồn gốc***

* Xuất phát từ đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.
* Ngoài ra: vấn đề dân số, tài nguyên, chiến tranh cũng thúc đẩy cách mạng KH-KT

***\*Đặc điểm***

* Đặc điểm lớn nhất của cách mạng khoa học-kĩ thuật ngày nay là khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
* Khoa học đi trước, mở đường cho kĩ thuật và kĩ thuật lại mở đường cho sản xuất, trở thành nguồn gốc của mọi tiến bộ kĩ thuật và công nghệ.

**II. XU THẾ TÒAN CẦU HÓA VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ.**

***1. Khái niệm***

***-*** Từ đầu những năm 80 thế kỉ XX, trên thế giới diễn ra xu thế toàn cầu hóa. Đó là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới.

***2. Những biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hóa***

- Sự phát triển nhanh chóng của thương mại quốc tế.

- Sự phát triển và tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia.

- Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn khổng lồ.

- Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực (quỹ tiền tệ quốc tế-IMF, Ngân hàng thế giới-WB, Tổ chức Thương mại thế giới-WHO, Liên minh châu Âu –EU, Hiệp ước thong mại tự do Bắc Mĩ-NAFTA, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á-ASEAN)

***3. Toàn cầu hóa có mặt tích cực và tiêu cực***

- Tích cực: Thúc đẩy nhanh sự phát triển và xã hội hóa lực lương sản xuất, đưa lại sự tăng trưởng cao góp phần chuyển biến cơ cấu kinh tế.

- Tiêu cực: Làm trầm trọng sự bất công XH, nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và độc lập tự chủ của quốc gia.

***Bài 11***

**TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ**

**NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000**

**I. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945**

1. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Trật tự thế giới hai cực Ianta đã được xác lập với đặc trưng nổi bật là thế giới bị chia thành hai phe-tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, do hai siêu cường Mĩ và Liên xô đứng đầu mỗi phe.

2. Với thắng lợi của các cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Đông Âu và ở châu Á (Việt Nam, Trung Quôc…), chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước đã trở thành hệ thống thế giới. Trong nhiều thập niên, hệ thống xã hội chủ nghĩa là một lực lượng hung mạnh về chính trị-quân sự và kinh tế, chiếm lĩnh nhiều đỉnh cao của khoa học-kĩ thuật thế giới.

3. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, một cao trào giải phóng dân tộc đã dấy lên mạnh mẽ ở các nước Á, Phi và Mĩ Latinh. Kết quả là hệ thống thuộc địa và hệ thống thuộc địa và chế độ phân biệt chủng tộc (Apacthai) đã bị sụp đổ hoàn toàn và hơn 100 quốc gia độc lập true tuổi ra đời, ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền chính trị và kinh tế thế giới.

4. Trong nửa sau thế kỉ XX, hệ thống đế quốc chủ nghĩa đã có những biến chuyển quan trọng:

- Mĩ đã vươn lên trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất và ráo riết thực hiện các chiến lược toàn cầu nhằm thống trị thế giới.

- Nhờ có sự điều chỉnh kịp thời, nền kinh tế các nước tư bản đã có sự tăng trưởng khá liên tục, đưa lại những thay đổi về chất trong cơ cấu cũng như xu hướng phát triển.

- Do những nguyên nhân, các nước tư bản ngày càng có xu thế liên kết kinh tế khu vực, tiêu biểu là sự ra đời và phát triển của Liên minh châu Âu (EU). Mĩ, Nhật Bản và Liên minh châu Âu đã trở thành những trung tâm kinh tế-tài chính lớn của thế giới.

5. Trong nửa sau thế kỉ XX, các quan hệ quốc tế đã mở rộng và đa dạng hơn bao giờ hết so với các giai đoạn lịch sử trước kia. Nét nổi bật của quan hệ quốc tế từ sau 1945 là sự đối đầu gay gắt giữa hai siêu cường, hai phe trong tình trạng chiền tranh lạnh kéo dìa hơn bốn thập kỉ. Tuy nhiên, phần lớn các quốc gia trên thế giới vẫn cùng tồn tại hòa bình, vừa đấu tranh, vừa hợp tác. Cuối cùng chiến tranh đã chấm dứt, thế giới đã chuyển dần sang xu thế hòa dịu, đối thoại, hợp tác phát triển.

6. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, một cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật (từ đầu những năm 70 được gọi là cách mạng khoa học-công nghệ) đã diễn ra với quy mô, nội dung và nhịp điệu chưa từng thấy cùng những hệ quả vô cùng to lớn. Cuộc cách mạng khoa học-công nghệ đã đặt ra trước các quốc gia-dân tộc nhiều vấn đề lớn như việc đào tạo con người cho nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo vệ môi trường sinh thái, sự can bằng hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội…

**II. XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH**

Hầu hết các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm.

1. Các nước lớn đã điều chỉnh các quan hệ đối với nhau theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tranh xung đột trực tiếp nhằm tạo nên một môi trường quốc tế thuận lợi giúp họ vươn lên mạnh mẽ, xác lập một vị trí ưu thế trong trật tự thế giới mới.
2. Sau chiến tranh lạnh tuy hòa bình thế giới được củng cố, nhưng ở nhiều khu vực vẫn diễn ra nội chiến và xung đột. Chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa li khai càng làm cho nguuy cơ này trầm trọng hơn. Nội chiến, xung đột, li khai…bắt nguồn từ những mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo và tranh chấp lãnh thổ có những căn nguyên lịch sử nên việc giải quyết khó khăn có thể dễ dàng và nhanh chóng.

Từ thập kỉ 80 của thế kỉ XX, thế giới đã diễn ra ngày càng mạnh mẽ xu thế toàn cầu hóa. Đó là một xu thế khách quan, tạo nên thời cơ thuận lợi và cả những thách thức gay gắt, nhất là đối với các nước đang phát triển.